

From: Chinh Nguyen <duyrtinh@hotmail.com>

Date: August 14, 2014 at 10:44:59 PM PDT

To: Huynh Chieu Dang <huy017@gmail.com>

Subject: RE: [quanvenduong] Sach xua: BS Ha Ngoc Thuan noi ve mot chu trong Ti Ba Hanh, trang rao vat, trang tim nguoi than

Góp ý với BS Hà Ngọc Thuần về tác giả Tì Bà Hành diễn âm

Chào Bác Sĩ:

Trước đây khi đề cập đến tác giả của bản diễn âm Tỳ Bà Hành chúng ta thường nghĩ ngay đến Phan Huy Vịnh theo như GS Dương Quảng Hàm đã dẫn trong VNTVHT. Tuy nhiên những tài liệu gần đây đã xác định tác giả là Phan Huy Thực [tức là ông thân sinh của Phan Huy Vịnh]. Tôi xin đính kèm mấy trang trong Phan Gia Công Phả để Bác Sĩ tường lãm.

Kính chúc Bác Sĩ và GS Huỳnh Chiêu Đẳng vạn an.

Nguyễn Duy Chính

From: huy017@gmail.com

To: QuanVenDuong@googlegroups.com

CC: DKSG67@yahooogroups.com

Subject: [quanvenduong] Sach xua: BS Ha Ngoc Thuan noi ve mot chu trong Ti Ba Hanh, trang rao vat, trang tim nguoi than

Date: Thu, 14 Aug 2014 21:32:38 -0700

Kính thưa quý bạn

1. Hôm nay đổi món chút xíu, chúng ta nghe Bs Hà Ngọc Thuần nói về một chữ trong quyển Tì Bà Hành. Tưởng đâu việc làm của hcd tôi như công dã tràng, ai ngờ cũng giúp được cho một số học giả và những nhà nghiên cứu.

2. Tính chung Quán Ven Đường đã có một triệu rưỡi lượt người vào ra, tại sao chúng ta không gắn tấm bảng rao vặt vào tường, để quý khách cần thì rao vặt miễn phí.

3. Ngoài ra giới thiệu lại trang Tìm Người Thân để vị nào cần thì vào xem hay gửi lời nhắn tìm người vào.

HCD (14-Aug-2014)

Mời quý bạn vào nhà kho xem những chi tiết liên hệ nơi đây

http://nha-kho_quan-ven-duong.htm

Hệ thống email này chỉ gồm những bằng hữu đưa tay ghi tên.

*Bạn nào **bị bắt** phải nhận email này ngoài ý muốn xin đưa tay để tôi rút tên ra.*

Bạn nào nhận email này qua bạn bè forward muốn ghi tên vào mailing list xin cũng đưa tay.

Nhân mùa Vu Lan mời các bạn có thì giờ nghe cố nghệ sĩ Trần Văn Trạch trong

"Chuyến Xe Lửa Mừng Năm" ban đầu vui nhưng đoạn kết quá buồn. Video lỡ làm chớ không có chi đáng, các bạn bỏ qua nếu bận

Chuyến Xe Lửa Mừng Năm (Trần Văn Trạch) ảnh vườn hoa Dubai

Kính tặng những người may mắn còn cha mẹ. Video được làm trong lúc Chùa chiến linh đình làm lễ Vu Lan.

=====

Chuyện chánh hôm nay là

Mời các bạn xem Bác Sĩ Hà Ngọc Thuần nói về quyển Tì Bà Hành đang có trong trang Sách Xưa.

From: Ngoc-Thuan HA [mailto:dr....thuanha@gmail.com]
Sent: Thursday, August 14, 2014 5:43 AM
To: QYDH moi; Dang Huynh Chieu
Subject: **Tì bà hành Diễn Nôm(Kho Sách Xưa)**

Thưa Anh Em QYHD

Trong một bài trước tôi có nói về sách "Tì Bà Hành Diễn Âm" trong "Kho Sách Xưa" của "Quán Ven Đường" mà chủ quán là Giáo-Sư Huỳnh Chiếu Đăng. Nay xin nói thêm để sửa lỗi-lầm trước, khi đọc vội-vàng, chưa tìm kỹ cho thấy mà đã ngỡ rằng không có.

Bìa sách có vẽ hình chim đại bàng (?) và chữ "Avia". Đây là loại vở học-trò còn thông-dụng tại Hà-nội năm 1948.

Không rõ AVIA là tên của hãng sản-xuất (giấy hay vở học-trò) nào, nhưng hình ảnh này rất quen-thuộc và còn nằm trong trí nhớ. Giấy rất tốt. Sau này là vở học trò của hãng Denis Frères, và các hãng khác.

Ngay bìa có hàng chữ Hán "Nhị Độ Mai Quyên Tam" và "phụ, Tì bà hành Diễn Âm". Bên trong là Nhị Độ Mai, chuyện Lư Kỷ Hoàng Tung và Hạnh Nguyên công Hồ, khoảng 850 câu cho đến hết, chiếm hết 77 trang; sau đó là Tì Bà Hành Diễn Âm chép bằng chữ Nôm, có chữ quốc-ngữ ghi bên cạnh, từ trang 79 đến trang 88. Sách chép năm Tự Đức Tân Tị (1881), theo Phúc Văn Đường Tàng Bản.

Tì Bà hành nguyên tác chữ Hán của Bạch Cư-Dị, dịch ra tiếng Việt cố nhiên viết bằng chữ Nôm. Bản tiếng Việt có ghi vào chương-trình Việt Văn trung-học. Chúng tôi sanh sau, học sau, nên chỉ căn-cứ vào bản chữ quốc-ngữ trong sách

Việt Nam Thi Văn Hợp Tuyển của Dương Quảng Hàm. Dịch giả là Phan Huy Vịnh.

Bản về Tì bà hành, một cách bất ngờ cho người mới học, lại là Vũ Ngọc Phan, trong cuốn "Nhà Văn Hiện Đại", khi nói về cuốn "Ngâm Khúc" của Nguyễn Quang Oánh xuất-bản tại Hà-nội năm 1930. Vũ Ngọc Phan viết: "Ngâm khúc là một quyển hiệu khảo của Nguyễn Quang Oánh. Quyển này gồm tất cả ba bài ngâm khúc: Cung oán, Chinh Phụ ngâm và Tỳ Bà hành". Chính Nguyễn Quang Oánh là người chủ trương dịch-giả là Phan Huy Vịnh, trong khi "xưa kia người ta thường cho là Nguyễn Công Trứ diễn ra quốc âm". Trong bản Nôm 1881 của Quán Ven Đường có ghi rõ dịch giả là Nguyễn Công Trứ. Vậy là cần tìm cho ra cuốn "Ngâm Khúc" để xét lại.

Hai câu chót của bài Tì bà hành đọc như sau:

*Lệ ai chan chứa hơn người
Giang Châu Tư Mã đượm mùi áo xanh*

Xin bàn thêm vài chi tiết nhỏ:

Cho tới khoảng năm 1950, tại Hà nội, người ta vẫn dùng lẫn lộn "màu" (thị giác) và "mùi" (khứu giác). Trong bản Nôm "Quán Ven Đường" chữ Nôm "mùi" viết bằng chữ Hán " vị", cũng đọc là "mùi" : người ta tuổi ngọc tuổi mùi... Cũng vào khoảng đó, vấn-đề Việt ngữ chính tả được đặt ra, trong đó có bộ sách của Long Điền Nguyễn Văn Minh với rất nhiều phân-biệt và đề-nghị chọn lựa. Sau này có Lê Ngọc Trụ tiếp-tục công việc đó. Có lẽ chúng ta không thể tự-tiện đổi thành "Giang Châu Tư Mã đượm màu áo xanh" được, nhưng cần giải-thích những thay đổi theo lịch-sử. Một kinh-nghiệm là muốn thay đổi phải bắt đầu từ lớp trẻ, bậc tiểu học.

Trong câu cuối có chữ Nôm "đượm" phiên âm bằng chữ Hán "đạm". Theo Từ Điển Chữ Nôm của Vũ Văn Kính thì chữ Nôm "đậm" cũng viết bằng chữ Hán "đạm". Từ Điển Vũ Văn Kính phân biệt "đậm" và "đậm" thành hai chữ khác nhau, chữ Nôm "đậm" dùng chữ Hán "thậm" để phiên âm. Có lẽ nước mắt rơi xuống áo làm màu áo xanh đậm hay đậm thêm, nên câu thơ có thể là:

Giang Châu Tư Mã đậm (đậm) màu áo xanh

theo chính-tả của chúng ta thời nay. Chữ "đậm" này khác hẳn với chữ "đượm" đã dùng ở đầu bài thơ:

Nước mênh mông đượm về gương trong. (câu 6)

Xin nhường lại vấn-đề cho quý-vị học giả; niên-học 1954-1955 tôi học Thầy (nhà văn) Doãn Quốc Sỹ, lớp Đệ Tứ trường Trần Lục. Thầy giảng bài này, và cũng thường nhắc, như Vũ Ngọc Phan viết : "Người ta thường nói hai bản dịch Chinh Phụ Ngâm và Tỳ Bà hành hay hơn cả nguyên văn" .Gần đây có nghe Shaman Nguyễn Thượng Vũ nói bài "Si" của André Maurois có phần hay hơn bài "If" của Rudyard Kipling và chính Kipling công-nhận như vậy. Đông Tây không phải không có lúc gặp nhau.

Tuy-nhiên theo Thầy Sỹ, có một câu, duy có một câu này, phải trở về nguyên-văn mới hiểu được:

Buồn em chảy lại lo di thác

nguyên văn : " Đệ tẩu tòng quân a di tử". Một vết bản nhỏ trên một bức tranh đẹp(?).

Riêng Trần Trọng Kim thì đẹp cả Nguyễn Công Trứ và Phan Huy Vịnh qua một bên, làm một bản dịch mới, với hai câu chót:

Khóc nhiều hơn cả là ai?

Giang Châu Tư Mã đắm mùi áo xanh.

Vấn chữ "mùi" đó, nhưng không đượm, đậm hay đậm mà là "đắm".

Giang Châu Tư Mã thanh sam thấp.

Hai câu này viết ra chữ Nôm như thế nào, xin tùy quý vị.

Hà Ngọc Thuần QY13HD

HCD: Thật là hả dạ! Cám ơn Bác Sĩ Hà Ngọc Thuần.

Lâu nay chủ quán tôi góp nhặt giữ gìn cũng chỉ chờ người mắt xanh. Nay có người ghé mắt thì đâu còn mong ước chi hơn.

Nhớ cách đây trên 15 năm, một bằng hữu (anh Thạch Đầu Đà) cho chủ quán cái biệt danh là "Ông Từ Giữ Tàng Kinh Các", quả không sai. Ông Từ tôi giữ những báu vật trong tay, nhưng chỉ lờ mờ hiểu được giá trị của chúng. So ra cũng giống như người xưa không biết đọc, thấy mảnh giấy vụn có chữ viết rơi xuống đất, thì lượm để lên trang hay nhét vào vách lá để dành.

Nay thấy rằng chỉ có một chữ thôi (chữ "mùi") mà đã giá trị đến như vậy, trong

khi Ông Từ tôi trong tay giữ hàng trăm ngàn chữ. Thôi thì chỉ mong được làm Ông Từ góp nhặt lượm từ chữ rơi rớt của người ngàn xưa giữ gìn trao cho người ngàn sau. Huỳnh Chiếu Đăng.

--

Xin gửi email góp ý trực tiếp cho huy017@juno.com

HCD

You received this message because you are subscribed to the Google Groups "Quán Ven Đường" group.

To unsubscribe from this group and stop receiving emails from it, send an email to

QuanVenDuong+unsubscribe@googlegroups.com.

For more options, visit <https://groups.google.com/d/optout>.

Bên dưới đây là những trích dẫn của anh Nguyễn Duy Chính:

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
VIỆN VIỆT NAM HỌC VÀ KHOA HỌC PHÁT TRIỂN
CHƯƠNG TRÌNH NGHIÊN CỨU GIA PHẢ VIỆT NAM

潘家公譜
PHAN GIA CÔNG PHẢ

GIA THIÊN - HÀ TĨNH

NGUYỄN NGỌC NHUẬN

Dịch và chú thích

PHAN HUY LÊ

Hiệu đính

8

NHÀ XUẤT BẢN THẾ GIỚI
HÀ NỘI - 2006

ông xin thôi chức Bồi Tụng nhưng không được trên chuẩn, được thăng chức Giảng quan thụ công bộ.

Đến năm Chiêu Thống thứ 2 (1789) ông được âm phong Lễ bộ Thị lang Giờ Ty ngày 12 tháng 4 năm Kỷ Dậu (1778) ông mất, thọ 68 tuổi, hiệu là Thận Trai, tên thụy là Văn Đạt, phần mộ đặt tại xứ Cây Bàng Phượng Cách, Nhâm sơn Bính hướng (theo hướng Bắc Nam) (từ 22b đến 26b).

Sau đó người chép gia phả còn đưa ra lời nhận xét, đánh giá về Tiến sĩ Phan Huy Cận: “Ông là người phát khoa cho họ ta đầu tiên...Ông giỏi địa lý làm nhà thờ, làm hậu miếu cho hai thôn, bên tả thì đặt chợ Phủ, bên hữu thì đào giếng, lại chọn đất làm văn chỉ cho tổng, cho xã và Thần từ cho thôn Hữu Phương và phần mộ cho các vị tiên nhân. Xem như vậy ông là người có huân nghiệp chôn triều đình, đức trạch ở họ hàng, khôi khoa hiển hoạn được ghi bia đá nước nhà, đến nay còn hiển hách rạng rỡ” (từ 26b đến 27a).

Ở đây Tiến sĩ Phan Huy Cận được xem là người khai khoa, người đỡ Tiến sĩ đầu tiên của dòng họ, mở ra tiền lệ cho thế hệ những người kế tiếp như: Tiến sĩ Phan Huy Ích (đỗ năm 1775), Tiến sĩ Phan Huy Ôn (đỗ năm 1780), Tiến sĩ Phan Huy Tùng (con của Phồn Khê công Phan Huy Chỉ, đỗ năm 1913)...

Đối với Phan Huy Thực là tác giả của tác phẩm Nôm nổi tiếng *Tỳ bà diễn âm* được PGCP ghi lại như sau: “...Ông tên húy là Thực, tên tự là Vy Chỉ, là con thứ hai cụ Dụ Am hầu, ông sinh giờ Ty ngày 5 tháng 10, năm Mậu Tuất, niên hiệu Cảnh Hưng thứ 39 (1778). Năm thứ 12 niên hiệu Gia Long (1813) ông được ứng triệu cử làm phó sứ sang Thanh, năm Canh Thìn niên hiệu Minh Mạng thứ nhất (1820) ông làm Hiệp trấn tỉnh Lạng Sơn nửa kỳ, từ đó ba lần làm Thượng thư bộ Lễ, năm đầu niên hiệu Thiệu Trị (1741) ông xin về nghỉ. Đến năm

thứ 2, thánh giá bắc tuần, ông tới yết kiến ở hành điện, nhà vua ban cho một thỏi bạc và một bài thơ... Ông mất vào giờ Dần ngày 11 tháng 2 năm Giáp Thìn (1844), thọ 67 tuổi, phần mộ ở Đường Lê, xã Thụy Khuê, đặt theo hướng Bắc Nam. Năm thứ 11 niên hiệu Tự Đức thời Nguyễn (1858) ông được dự vào đền thờ của các bầy tôi hiền lương... Tác phẩm của ông có: *Hoa Thiều tập*, *Tỳ bà diễn âm*, *Nhân ảnh vấn đáp từ*” (từ 37a đến 38a).

Về Phan Huy Chú nhà văn, “nhà bác học lỗi lạc”, tác giả của nhiều tác phẩm có giá trị” được ghi lại trong PGCP như sau: “...Ông tên húy là Chú, tên chữ là Lâm Khanh, sinh năm Nhâm Dần niên hiệu Cảnh Hưng (1782), con thứ ba cụ Dụ Am hầu, khoa Đinh Mão (1807), Kỷ Mão (1819) đời Gia Long đều đậu Tú Tài¹, tháng giêng năm thứ 2 niên hiệu Minh Mạng (1821) ông được bổ thụ Hàn lâm viện biên tu, rồi làm Phủ thừa phủ Thừa Thiên, Hiệp trấn tỉnh Quảng Nam, phụng mệnh hai lần đi sứ phương Bắc, sau đó bị khiển trách, đến năm thứ 15 được phục hồi làm Công bộ tư vụ, bị đau chân xin về nghỉ dạy học, sau thăng Thị Giảng sung Sứ bộ. Tác phẩm của ông có: *Bình Định quy trang*, *Hoa thiều ngâm lục*, *Hoa thiều tục ngâm*, *Dương trình ký kiến*, *Lịch triều hiến chương* (4 quyển)². Ông mất năm Minh Mạng thứ 21 (1840), thọ 59 tuổi” (từ 38a đến 38b).

Sau những trang ghi chép theo thể thứ các đời thì đến đoạn *Bản tộc hợp tế từ vũ* (từ 62a đến 63a), phần 2 của văn bản PGCP đã cho biết việc xây dựng và trùng tu nhà thờ họ Phan ở xã Thạch Châu,

¹ Ông đi thi hai lần chỉ đỗ Tú tài, nên mọi người thường gọi Phan Huy Chú là ông Kép Thầy.

² Để hoàn thành công trình bách khoa đồ sộ *Lịch triều hiến chương loại chí* (gồm 10 chí) ông phải “đóng cửa tạ khách” miệt mài trong suốt 10 năm trời khảo cứu, sưu tầm trên nhiều lĩnh vực.

- Sở công, là con trưởng cụ Thập Lý hầu [Phan Huy Kiển].
- Hoạch công, là con thứ hai cụ Thập Lý hầu [Phan Huy Kiển].
- Tham công, là con thứ ba cụ Thập Lý hầu [Phan Huy Kiển].
- Ân công, là con thứ tư cụ Thập Lý hầu [Phan Huy Kiển].
- Viễn Khanh công, tên huý là Quýnh, hiệu Tổ Am, sinh giờ Mão¹ ngày 19 tháng 6 năm Ất Mùi [1775], là con trưởng của cụ Dụ Am hầu [Phan Huy Ích], ở nhà dạy học. Tác phẩm của ông có: *Lịch đại điển yếu, Kinh sử toát yếu*. Ông giỗ ngày 12 tháng 5, thọ 70 tuổi, tên thụy là Hoảng Mục.

Bà vợ là Hoàng Thị Du, người Linh Đường, [huyện] Thanh Trì, sinh giờ Ngọ², ngày 17 tháng 5 năm Kỷ Hợi [1779], giỗ ngày 27 tháng 4, tên thụy là Yên Nhu, sinh hạ được 3 người con trai (là: Khiết, Phương, Trùng), 1 người con gái.

- Tư thiện đại phu, Lễ bộ thượng thư trí sự, hiệu Khuê Nhạc, tên thụy là Trang Lượng phủ quân, tên huý là Thực, tên tự là Vy Chi, là con thứ hai cụ Dụ Am hầu [Phan Huy Ích], sinh giờ Ty³ ngày 5 tháng 10, năm Mậu Tuất, niên hiệu Cảnh Hưng thứ 39 [1778]⁴. Năm thứ 12 niên hiệu Gia Long [1813] ông được ứng triệu, năm thứ 16 [1817]⁵

¹ Giờ Mão: khoảng từ 5 đến 7 giờ.

² Giờ Ngọ: khoảng giữa trưa, từ 11 đến 13 giờ.

³ Giờ Ty: khoảng từ 9 đến 11 giờ.

⁴ Nguyên văn chép nhầm "năm Mậu Tuất niên hiệu Cảnh Hưng thứ 35", theo *Phan tộc công phả* của Phan Huy Dũng chữa lại "niên hiệu Cảnh Hưng thứ 39".

⁵ Nguyên văn chép "Gia Long thập nhị niên ứng triệu, thập lục nhật sung như Thanh Phó sứ". Nhưng theo *Phan tộc công phả* của Phan Huy Dũng thì: "Gia Long thập nhị niên ứng triệu xuất sĩ, thập lục niên sung như Thanh Ất phó sứ" (tờ 12b). Theo Phan Huy Dũng chữa chữ "nhật" thành chữ 'niên'.

được cử làm Phó sứ sang Thanh. Năm Canh Thìn niên hiệu Minh Mạng năm đầu [1820] làm Hiệp trấn tỉnh Lạng Sơn nửa kỳ, rồi về Kinh, từ đó làm đến ba lần Thượng thư bộ Lễ, năm đầu niên hiệu Thiệu Trị [1741] ông xin về nghỉ. Đến năm [Thiệu Trị] thứ 2 [1742], Thánh giá bắc tuần, ông tới yết kiến hành điện, nhà vua ban cho một thoi bạc và một bài ngự thi. Nguyên văn bài thơ như sau:

"Bắc quận từ trường lịch hoạn biên,
Thiên cù hạnh tế trác cô viên.
Thừa sai bất nhục văn chương trứ,
Quy trọng nan khu lão bệnh triều.
Phong bộ phương lưu tôn trở sự,
Sài nham nhàn khế hạc quy niên.
Tam triều trù tích thường truy niệm,
Xuân thụ gia nhi nhật miễn chiên."

(Nghĩa là: *Chốn văn từ phía Bắc ông trải qua hoạn lộ. Đường trời rộng lớn may mắn được tôi luyện văn chương. Cưỡi bè đi sứ không để nhục tài văn chương. Trở về khó kham được bệnh tật tuổi già. Tiếng thơm lưu lại triều đình như vật quý được thờ cúng ở miếu đền. Núi Sài ông nhàn nhã làm bạn với rùa hạc nhiều năm. Công tích với ba triều luôn được nhớ tới. Mùa xuân ghi vài lời để bọn trẻ trong gia đình cố gắng noi theo).*

Bài thơ đã được đem về khắc vào vách đá ở ngôi chùa gần đỉnh núi. Ông mất vào giờ Dần¹ ngày 11 tháng 2² năm Giáp Thìn [1844],

¹ Giờ Dần: khoảng từ 3 đến 5 giờ.

² *Phan tộc công phả* của Phan Huy Dũng chép ngày mất là ngày 12 tháng 2 năm Giáp Thìn.

thọ 67 tuổi, phần mộ tại xứ Đường Lê, xã Thụy Khuê, đặt theo hướng Bắc Nam (Quý sơn Đinh hướng). Năm thứ 11 niên hiệu Từ Đức thời Nguyễn [1858] ông được dự vào đền thờ của các bà tôi hiền lương, cho 2 người cháu và một người chắt được tập âm được. Tác phẩm của ông có: *Hoa Thiều tập, Tỳ bà diễn âm, Nhân ảnh vấn đáp từ*.

Bà vợ là Tuyên Tĩnh phu nhân họ Nguyễn, huý là Hoà, là con gái cụ Thị lang Nguyễn Trạch và cụ bà Nguyễn Thị Định, cháu cụ Tiến sĩ Viện quận công Nguyễn Hoàn, người xã Hương Khê (nay đổi là Phương Khê), huyện Nông Cống. Bà sinh giờ Tuất¹ ngày 29 tháng 6 năm Mậu Tuất [1778], mất giờ Sửu² ngày 19 tháng 4 năm Nhâm Dần [1842], thọ 65 tuổi, phần mộ tại xứ Đồng Mỹ, xã Sài Khê. Ông bà sinh hạ được 2 người con trai (là: Vịnh, Lãm), 2 người con gái³.

- Quảng Nam tinh hiệp trấn, hiệu Mai Phong, thụy Minh Hiến phủ quân, tên huý là Chú, tự là Lâm Khanh, sinh năm Nhâm Dần niên hiệu Cảnh Hưng [1782], con thứ 3 cụ Dụ Am hầu [Phan Huy Ích].

Khoa Đinh Mão [1807], Kỷ Mão [1819] đời Gia Long đều đậu Tú tài, tháng giêng năm thứ 2 niên hiệu vua Minh Mạng [1821] ông được bổ thụ Hàn lâm viện biên tu, rồi làm Phủ thừa Thừa Thiên, Hiệp

¹ Giờ Tuất: khoảng từ 19 đến 21 giờ.

² Giờ Sửu: khoảng từ 1 đến 3 giờ.

³ *Phan tộc công phả* của Phan Huy Dững chép: Phan Huy Thực có 3 vợ, bà chánh thất Nguyễn Thị Hoà sinh 2 con trai là Vịnh, Lãm; bà thứ thất Nguyễn Thị Phùng, người Sài Khê, sinh 1 con gái là Hoà; bà thứ thất Nguyễn Thị Ngạn, người xã Ninh Sơn (nay thuộc Chương Mỹ, Hà Tây), sinh 1 con gái là Thê. Vậy 2 người con gái mà nguyên văn không chép là Hoà và Thê.

諱湜字渭沁裕庵侯次子景興三十五年戊戌十月初
 五日己牌生嘉隆十二年應召十六日充如清副使明命
 元年庚辰協鎮諒山半期回京自此歷任禮部三次尙
 書紹治元年致事二年 聖駕北巡進覲行殿蒙賜
 銀錢一 御詩一 北郡詞場歷官編天衢幸際琢猷圓乘茲不
 辱文章著歸杖雅驅老病纏楓陞芳畝樽
祖事柴岩罔契鶴龜年三朝疇
 昔常進念春署家兒日勉旃 歸刻近嶺山寺石壁甲辰
 年二月十一日寅牌卒壽六十七專墳在瑞圭社塘

禮處癸山丁向嗣德十一年蒙預賢良祠廕例孫二曾一
公所著有莛韜集及琵琶演音人影問答詞

妣宣靜夫人阮氏

諱和農貢縣香

今改芳

溪社進士院郡

公阮侗之孫侍郎阮侗之女次室阮氏定所出戊戌年閏

六月二十九日戌牌生壬寅年四月十九日丑刻卒壽六

十五尊墳在柴溪社同媚處

生下男二

泳灑女二彩

廣南省協鎮號梅峯謚明獻府君